

Bản án số: 1737/2026/DS-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần

2. Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 745/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1057/2026/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 923/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: số B N, phường X, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984; địa chỉ nơi làm việc: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: số B N, phường X, Thành Phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 5980/2025/UQ-TGD ngày 18/11/2025)

Bị đơn: Ông Thái Công M, sinh năm 1994; địa chỉ: số B đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2025 và các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án, ông **Trần Đức T** là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/03/2021, ông **Thái Công M** có ký với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông **Thái Công M** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20,000,000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông **Thái Công M** phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông **Thái Công M** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 20,300,000 đồng, Ngân hàng áp dụng Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng về thứ tự thanh toán như sau: các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Do ông **Thái Công M** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 11/04/2023 (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 10,324,667 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Ông **Thái Công M** có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/8/2026 là 27,673,652 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) trong đó: nợ gốc là 10,324,667 đồng và nợ lãi quá hạn là 17,348,985 đồng

Ông **Thái Công M** tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 08/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn – ông **Thái Công M** không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông M cư trú tại phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông M nhưng ông M vắng mặt, không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì

Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ vào **Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/03/2021 và tóm tắt sao kê đối với số tài khoản 3147217446 ngày 29/8/2025 của Ngân hàng**, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu **ông M** trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi là **27,673,652 đồng** là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu **ông M** thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể **từ ngày 08/8/2026** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, **ông M** vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu **ông M** trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2025;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc **ông Thái Công M** trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số nợ là **27,673,652 đồng** (hai mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là **10,324,667 đồng** (mười triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng và lãi quá hạn tính đến **ngày 08/8/2026** là **17,348,985** (mười bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ **ngày 08 tháng 8 năm 2026**, **ông M** tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong **Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/03/2021** và Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là **548.744 (năm trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng** theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu **BLTU/26E số 0026705** ngày **28/4/2026** của **Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông M phải nộp số tiền án phí là **1,383,683 (một triệu ba trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi ba) đồng**.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

